

Số: 21/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị Bích L, sinh năm 1999.

- Bị đơn: Anh Bàn Trung P, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị Bích L và anh Bàn Trung P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Bích L và anh Bàn Trung P thuận tình ly hôn.

\* Về con chung: Anh Bàn Trung P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bàn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Ma Thị Bích L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B Trung Phong với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu năm

trăm nghìn đồng)/ 01 tháng cho đến khi con chung Bàn Thị Thùy D đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 20 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026.

Sau khi ly hôn chị Ma Thị Bích L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở .

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

\* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về án phí: Áp dụng khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ma Thị Bích L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001001 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAT Thái Nguyên;
- VKS khu vực 8 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên;
- UBND xã Na Rì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Võ Thanh Bình**